

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/DS-PT
Ngày: 20 - 3 - 2018
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Phạm Phước Thiện

Ông Trần Văn Quán

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2017/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 152/2017/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1966;

Địa chỉ cư trú: Số 215 đường H, khu phố 1, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn C, sinh năm 1966;

2. Bà Dương Thị L, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 97, ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn C: Luật sư Lê Văn L1 - Văn phòng Luật sư Lê Văn L1 – Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn C - bị đơn.

(Ông P, ông C và ông L1 có mặt, bà L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2016 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông có cho bà L vay tiền các lần như sau:

Ngày 29/9/2014: 70.000.000 đồng; ngày 17/10/2014: 5.000.000 đồng; ngày 21/12/2014: 20.000.000 đồng; ngày 26/12/2014: 5.000.000 đồng; ngày 22/01/2015: 10.000.000 đồng; ngày 02/02/2015: 45.000.000 đồng; ngày 11/02/2015: 10.000.000 đồng; ngày 21/3/2015: 20.000.000 đồng; ngày 26/3/2015: 10.000.000 đồng; ngày 01/4/2015: 10.000.000 đồng; ngày 05/4/2015: 20.000.000 đồng; ngày 17/5/2015: 15.000.000 đồng; ngày 03/6/2015: 10.000.000 đồng; ngày 20/6/2015: 10.000.000 đồng; ngày 27/6/2015: 10.000.000 đồng và ngày 14/9/2015: 43.000.000 đồng.

Tổng cộng gốc là 313.000.000 đồng, và số tiền lãi tính từ ngày 14/9/2015 cho đến ngày 29/5/2017 (20 tháng 15 ngày) số tiền là 48.124.000 đồng.

Khi cho vay ông tính lãi 3,5%/tháng, bà L trả cho ông số tiền lãi 47.483.000 đồng.

Các giấy tờ biên nhận là do ông viết và bà L ký và ghi tên, khi vay chỉ có bà L vay, ông C và bà L là vợ chồng và bà L vay tiền trên với mục đích sinh hoạt gia đình như trị bệnh cho con, mua phân thuốc làm ruộng, mua thức ăn chăn nuôi, trả lãi cho anh em trong gia đình, đưa mẹ chồng đi khám bệnh.

Nay ông yêu cầu ông C và bà L phải liên đới trả cho ông tổng cộng tiền gốc là 313.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 14/9/2015 cho đến ngày 29/5/2017 (20 tháng 15 ngày) với lãi suất là 0,75%/tháng số tiền là 48.124.000 đồng nhưng được trừ số tiền lãi bà L đã trả là 47.483.000 đồng. Tổng cộng bà L, ông C phải liên đới trả cho ông số tiền gốc và lãi là 313.641.000 đồng [313.000.000 đồng + (48.124.000 đồng - 47.483.000 đồng)].

Bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

Ông P cho bà L mượn, ông không vay mượn của ông P. Trong thời gian ông và bà L là vợ chồng, việc vay mượn nợ của bà L với ai như thế nào ông không biết. Gia đình ông trước đó có chăn nuôi vài chục con heo và làm 01 ha đất, con ông và mẹ ông có bị bệnh nhưng bà L không phải vay về để lo các việc trên của gia đình, bà L mượn tiền ông P mục đích để làm gì ông không biết. Các giấy tờ vay mượn giữa ông P và bà L là do bà L và ông P tự làm như thế nào ông không biết, ông không ký nhận và cũng không đến vay mượn tiền của ông P. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P, ông không đồng ý liên đới trả số tiền trên vì đó là tiền vay riêng của bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã K đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39 và các Điều 266, 269, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 về án phí, lệ phí Tòa án,

- Áp dụng các Điều 150, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P.

Buộc Ông Lê Văn C và bà Dương Thị L phải liên đới trả cho bà Nguyễn Văn P số tiền là 313.641.000đ (ba trăm mười ba triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 05 tháng 6 năm 2017, bị đơn ông Lê Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn C trình bày:

Ông C không biết việc vay tiền của bà L. Đối với 16 biên nhận nợ không có căn cứ chứng minh và có mâu thuẫn, do ông P viết, bà L ghi tên, không có ghi mục đích vay. Chỉ có 07 biên nhận nợ là của bà L vay, còn 09 biên nhận nợ không đủ cơ sở kết luận là của bà L vay. 16 biên nhận có số tiền không khớp với hai hợp đồng do ông P cung cấp nên không có căn cứ pháp lý để khởi kiện, ông P không có khởi kiện hai hợp đồng này. 07 biên nhận với số tiền 165.000.000 đồng là bà L có vay tiền ông P, còn 09 biên nhận còn lại bà L không có vay. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông C, bác yêu cầu khởi kiện của ông P.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị đơn được làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về nội dung kháng cáo của ông C thấy rằng: Căn cứ vào kết luận giám định, có cơ sở xác định bà L có vay tiền của ông P. Bà L vay tiền để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Tại

thời điểm vay tiền, bà L và ông C là vợ chồng nên phải có trách nhiệm liên đới trả nợ. Kháng cáo của ông C là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Dương Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn C:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P có nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm 16 biên nhận (bản chính), có nội dung ông cho bà L vay tiền tương ứng với các lần ông đã trình bày như trên, tổng cộng gốc vay là 313.000.000 đồng, có ký tên phía dưới mỗi biên nhận chữ “l”

Ngày 14/9/2015 ông Nguyễn Văn P và bà Dương Thị L ký lại hợp đồng vay tiền với nội dung bà L vay của ông P số tiền 313.324.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 14/9/2015 đến ngày 30/10/2015.

Ngày 02/03/2016 giữa ông P và bà L ký lại hợp đồng cho vay tiền với nội dung ông P cho bà L vay 374.000.000 đồng, thời hạn 1 tháng, đến hạn là ngày 02/4/2016. “Mục đích tiền vay là để sử dụng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình chồng con, cụ thể như: Trị bệnh mẹ chồng, cấp cứu con tự tử, thức ăn nuôi heo và phân thuốc cho ruộng lúa” có bà L ký tên.

Tại kết luận giám định số 582/2017/KLGD ngày 20/10/2017 của phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Long An kết luận: Chữ viết “l” (chữ ký) tại các biên nhận: Ngày 29/9/2014: 70.000.000 đồng; ngày 17/10/2014: 5.000.000 đồng; ngày 21/12/2014: 20.000.000 đồng; ngày 26/12/2014: 5.000.000 đồng; ngày 22/01/2015: 10.000.000 đồng; ngày 02/02/2015: 45.000.000 đồng và ngày 11/02/2015: 10.000.000 đồng; chữ viết “Dương thị l” ở mục đại diện bên B trên tờ “Hợp đồng vay tiền” ngày 14/9/2015 (ký hiệu A17); chữ viết “l” (chữ ký) và “Dương thị l” ở mục đại diện bên B trên tờ “Hợp đồng vay tiền” ngày 02/03/2016 (ký hiệu A18) với chữ viết “l” (chữ ký) và “Dương thị l” ở dưới mục “Đại diện bên thế chấp”, trên tờ “Hợp đồng thế chấp bất động sản” (ký hiệu M1); chữ viết “l” (chữ ký) ở lề dưới của trang 1, trang 2 và từ trang 4 đến trang 7, chữ viết “l” (chữ ký) và “Dương thị l” ở mục “Bên vay” trên tờ “Hợp đồng tín Dụng” (ký hiệu M2) là do cùng một người viết (ký) ra. Do đó có căn cứ xác định 07 biên nhận trên có chữ “l” là của bà L ký vay tiền ông P với tổng số tiền 165.000.000 đồng. (Hợp đồng thế chấp bất động sản lập ngày 22/9/2015 do ông

Lê Văn C cung cấp cho Tòa án, ông thừa nhận chữ ký trong hợp đồng là của bà L để làm tài liệu mẫu so sánh).

Còn lại 09 biên nhận: Ngày 21/3/2015: 20.000.000 đồng; ngày 26/3/2015: 10.000.000 đồng; ngày 01/4/2015: 10.000.000 đồng; ngày 05/4/2015: 20.000.000 đồng; ngày 17/5/2015: 15.000.000 đồng; ngày 03/6/2015: 10.000.000 đồng; ngày 20/6/2015: 10.000.000 đồng; ngày 27/6/2015: 10.000.000 đồng và ngày 14/9/2015: 43.000.000 đồng là không đủ cơ sở kết luận (tổng cộng số tiền của 09 biên nhận là 148.000.000 đồng).

Tuy nhiên, do đến hạn bà L không trả nợ theo các biên nhận trên nên ông P và bà L có ký lại hợp đồng chốt nợ vay trong đó có gốc vay là 313.000.000 đồng và tiền lãi, cụ thể ngày 14/9/2015 ông Nguyễn Văn P và bà Dương Thị L ký lại hợp đồng vay tiền với nội dung bà L vay của ông P số tiền 313.324.000 đồng, trong đó gốc 313.000.000 đồng, còn lại là lãi 324.000 đồng là do những lần đóng lãi trước đó bà L đóng còn thiếu, thời hạn trả từ ngày 14/9/2015 đến ngày 30/10/2015.

Ngày 02/03/2016 giữa ông P và bà L ký lại hợp đồng cho vay tiền với nội dung ông P cho bà L vay 374.000.000 đồng, trong đó gốc 313.000.000 đồng, còn lại là lãi 61.000.000 đồng (lãi suất 3,5%/tháng), thời hạn 01 tháng, đến hạn là ngày 02/4/2016. Theo kết luận giám định thì chữ “Dương thị l” chữ ký “l” trên hai hợp đồng chốt nợ của 16 biên nhận cũng do bà L ký và viết ra.

Thấy rằng, giữa ông P và bà L đã xác lập hợp đồng vay tài sản, có thời hạn và có lãi. Đến hạn, bà L chỉ trả được một phần lãi là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Ông P khởi kiện yêu cầu trả tiền vay là 313.000.000 đồng và lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 14/9/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 29/5/2017 (20 tháng 15 ngày) số tiền là 48.124.000 và khấu trừ 47.483.000 đồng tiền lãi bà L đã trả nên tiền lãi còn lại 641.000 đồng là có căn cứ.

Ông C cho rằng đây là nợ riêng của bà L, bà L không phải dùng vào việc thiết yếu của gia đình nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Thấy rằng, việc vay tiền của bà L là trong thời kỳ hôn nhân, trong hợp đồng vay tiền của bà L cũng nói rõ mục đích vay là để phục vụ cho gia đình nên ông C và bà L phải cùng có trách nhiệm trả nợ là phù hợp. Mặt khác, giữa hai bên có mối quan hệ bạn bè thân thiết, tại phiên tòa chính ông C cũng xác định ông đã có nhiều lần vay mượn tiền của ông P để lo việc gia đình nhưng trong giấy biên nhận trên chỉ có mình ông C ký, (ông vay tiền của ông P cùng trong khoảng thời gian bà L vay tiền của ông P và có những khoản vay cùng thời gian), ông C đã trả xong cho ông P. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông P là có căn cứ, cần buộc bà L và ông C phải liên đới trả số tiền nợ gốc và lãi trên cho ông P là đúng theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc ông C và bà L liên đới trả nợ cho P số tiền vay và lãi tổng cộng 313.641.000đ là có căn cứ.

[3] Về chi phí trưng cầu giám định:

Bà Dương Thị L và ông Lê Văn C phải liên đới chịu 3.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn P đã nộp xong nên ông C và bà L phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông P 3.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ông Lê Văn C và bà Dương Thị L phải liên đới chịu 15.682.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

Kháng cáo của ông C và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C là không có căn cứ chấp nhận. Phát biểu của kiểm sát viên là có căn cứ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên phần quyết định của bản án sơ thẩm có sơ xuất, dùng từ chưa chính xác “bà Nguyễn Văn P” cần điều chỉnh lại là “ông Nguyễn Văn P” cho đúng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Lê Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã K.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39 và các Điều 266, 269, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 về án phí, lệ phí Tòa án,

Áp dụng các Điều 150, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P.

Buộc ông Lê Văn C và bà Dương Thị L phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền là 313.641.000đ (ba trăm mười ba triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn đồng).

2. Về chi phí trưng cầu giám định: Bà Dương Thị L và ông Lê Văn C phải chịu 3.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn P đã nộp xong nên ông C và bà L phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông P 3.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Ông Lê Văn C và bà Dương Thị L phải liên đới chịu số tiền 15.682.000đ (mười lăm triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền là 9.034.000 đồng (chín triệu không trăm ba mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0006300 ngày 06/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0006425 ngày 06/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K để thi hành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu